TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83 /2022/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thỏa thuận tài sản chung sau ly hôn)
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2022 về việc *"Yêu cầu chia tài sản sau ly hôn"* theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 74/2022/QĐ - ST ngày 18/8/2022 bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1993; HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, Tân Phúc Thành, xã , Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1997; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Hồng T: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1970, HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết tài sản sau ly hôn của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng T đều trình bày thống nhất như sau:

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 24/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2017, chị Nguyễn Thị Hồng T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng sống cách xa nhau, không ai quan tâm tới ai và không còn tình cảm dành cho nhau, mục đích, tình yêu hôn nhân không tồn tại. Vì vậy, cả hai đều thống nhất thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ra Quyết định giải quyết việc Hôn nhân gia đình số 01/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18/01/2022 ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng về các quan hệ sau:

Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng T.

Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng: Giao con chung cháu Trần Duy A, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Duy A trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân do thuộc địa bàn di dời tái định cư theo dự án di dời thôn Tân Phúc Thành 2, xã K nên vợ chồng được cấp thửa đất số 316, số lô ODT9, tại khu tái định cư xã K, phường K, Thị xã K, diện tích 400 m^2 (theo phiếu bốc thăm đất của Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư Thị xã K). Do đó, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng T đều làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung sau ly hôn.

Chị Nguyễn Thị Hồng T đề nghị giải quyết vắng mặt và uỷ quyền cho mẹ đẻ bà Phạm Thị Thanh trực tiếp làm việc liên quan đến giải quyết phân chia tài sản sau ly hôn giữa chị và anh Trần Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 38, 59, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng T về chia tài sản chung sau ly hôn như sau: Giao quyền quản lý, sử dụng thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất thửa đất số 316, số lô ODT9, tờ bản đồ quy hoạch tái định cư (nay xác định thửa số 287, tờ bản đồ số 30), diện tích 400 m^2 tại khu tái định cư xã K, phường K, Thị xã K (theo phiếu bốc thăm đất của Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư Thị xã K) cho anh Trần Văn H toàn quyền sở hữu và sử dụng. Anh Trần Văn H có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên cho riêng anh Trần Văn H. Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không ai vay nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 13492/QLXNC-P5, ngày 29/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 17/3/1997, CMTND số 184297677 do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 16/9/2014, Nơi đăng ký HKTT và địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh

Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 5 lần, xuất cảnh gần đây nhất ngày 29/4/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh lấy ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị Hồng T qua cuộc gọi bằng hình ảnh có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và đại diện gia đình bà Phạm Thị T (mẹ đẻ), anh Trần Văn H. Nội dung trình bày của chị T thống nhất giao toàn bộ tài sản chung vợ chồng là thửa đất và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 316, số lô ODT9, tại khu tái định cư xã K, phường K, Thị xã K, diện tích 400 m^2 cho anh Trần Văn H có toàn quyền sở hữu, sử dụng; Đồng thời chị Nguyễn Thị Hồng T cho biết hiện tại chị đang lao động tại Đài Loan, vì điều kiện công việc, chi phí đi lại tốn kém, khó khăn chị không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ việc, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị và chị giữ nguyên ý kiến ủy quyền cho bà Phạm Thị T trực tiếp làm việc với Tòa án. Xét thấy, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng T đều thống nhất thỏa thuận được với nhau về quan hệ tài sản chung sau ly hôn. Vì vậy, Tòa án căn cứ quy định tại Điều 29, 361 Bộ luật tố tụng dân sự cHển quan hệ pháp luật từ vụ án "Chia tài sản chung sau ly hôn" thành "Yêu cầu công nhận sự thỏa thuận chung tài sản sau ly hôn" Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồng T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ việc:

[2.1] Về tài sản chung vợ chồng: Xét thấy cả hai bên đương sự đều trình bày thống nhất nội dung trong thời kỳ hôn nhân do thuộc địa bàn di dời tái định cư theo dự án di dời thôn Tân Phúc Thành 2, xã K nên vợ chồng được cấp thửa đất số 316, số lô ODT9, tại khu tái định cư xã K, phường K, Thị xã K, diện tích 400 m^2 (theo phiếu bốc thăm đất của Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư Thị xã K). Tòa án đã tiến hành xác minh đối với tài sản chung vợ chồng, được chính quyền địa phương xác nhận anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng T được UBND Thị xã K cấp một thửa đất số 316, lô ODT9, tờ bản đồ quy hoạch tái định cư (nay xác định tại thửa số 287, tờ bản đồ số 30) diện tích 400 m^2 tại khu tái định cư xã K, phường K, Thị xã K; về nguồn gốc thửa đất được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình thuộc dự án di dời thôn 2&3 Tân Phúc Thành, xã K, Thị xã K. Hiện tại trên thửa đất đã xây nhà cấp 4 gạch đỏ, diện tích xây dựng 160m^2 gồm sân vườn và hệ thống công trình phụ đầy đủ, ranh giới sử dụng đất được tổ công tác và gia đình kiểm tra thực địa tại biên bản kiểm tra đất thực địa xác nhận không thay đổi so với diện tích đất đã cấp trước đó, không có tranh chấp, lấn chiếm với các hộ sử dụng đất liền kề. Do đó, xác nhận tài sản chung vợ chồng là hợp pháp, thỏa thuận vợ chồng về việc đề nghị Tòa án ghi nhận giao cho anh Trần Văn H có toàn quyền sở hữu và sử dụng đối với thửa đất và tài sản trên đất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật cần ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng.

+ Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không ai vay nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, 38, 39, 59, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tài sản chung:

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng T về chia tài sản chung sau ly hôn như sau: Giao quyền quản lý, sử dụng thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất thửa đất số 316, số lô ODT9, tờ bản đồ quy hoạch tái định cư (nay xác định thửa số 287, tờ bản đồ số 30), diện tích 400 m^2 tại khu tái định cư xã K, phường K, Thị xã K (theo phiếu bốc thăm đất của Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư Thị xã K cho anh Trần Văn H toàn quyền sở hữu và sử dụng. Anh Trần Văn H có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất.

- Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không ai vay nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Trần Văn H (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000249 ngày 08/7/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Lợi;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Bích Đào